

Bản án số: 95/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29/01/2024

V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Quang Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hồng Hải

2. Ông Nguyễn Bảo Lâm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Phương là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 789/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trinh Thị T, sinh năm 1979; Địa chỉ: 4 H, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Có mặt)

- **Bị đơn:** Ông Lê Đăng Mỹ T1, sinh năm 1979; Địa chỉ: G L, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 8 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Trinh Thị T trình bày:

Bà T và ông Lê Đăng Mỹ T1 đã tự nguyện tìm hiểu, chung sống, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 69, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 07/6/2008.

Sau khi kết hôn, quá trình chung sống, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà T là về vấn đề quan điểm sống. Mâu thuẫn về chi tiêu trong gia đình, ông T1 yêu cầu bà T ký cam kết tài sản riêng đối với tài sản ông tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, mâu thuẫn trong việc nuôi dạy con cái, thậm chí việc bà về thăm cha mẹ ruột cũng mâu thuẫn và ông T1 giành rất ít thời gian cho gia đình. Trước khi kết hôn, ông T1 đã có tính tình này nhưng sau khi kết hôn bà T nhận thấy mâu thuẫn này ngày càng trầm trọng, ngày càng sâu sắc và đến nay không còn hạnh phúc, nếu tiếp tục cuộc sống như thế này sẽ gây áp lực tinh thần tới bản thân và các con. Nay nhận thấy mâu thuẫn không thể giải quyết, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm và niềm tin vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu được ly hôn đối với ông T1.

Về con chung: Bà [T](#) khai vợ chồng có 02 con chung tên [Lê Mỹ Thành T2](#), sinh ngày 19/01/2015 và [Lê Mỹ Huy K](#), sinh ngày 11/8/2016. Ly hôn, bà [T](#) yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung vì 02 con từ nhỏ do bà [T](#) chăm sóc, mức cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà [T](#) khai hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà [T](#) khai không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án và bản tự khai, bị đơn – ông [Lê Đăng Mỹ T1](#) trình bày:

Quá trình vợ chồng chung sống, kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn đúng như bà [T](#) trình bày. Giữa vợ chồng có mâu thuẫn về văn hóa vùng miền, việc chăm lo và gánh vác công việc nội ngoại. Sau khi suy nghĩ lại, ông đã nhận thấy sự sai lầm của bản thân trong việc không cân bằng về trách nhiệm của gia đình lớn và gia đình nhỏ của mình, bản thân là người hời hợt không biết cách quan tâm, gần gũi và chia sẻ, thể hiện tình cảm với vợ con. Ông có lỗi trong việc không biết lắng nghe, thấu hiểu để cùng chia sẻ những khó khăn của vợ trong thời gian qua, mọi việc đến ngày hôm nay là lỗi ở ông [T1](#). Nhưng ông vẫn còn tình cảm với vợ, muốn con cái có một gia đình vẹn toàn có đủ cha mẹ nên ông mong muốn vợ chồng hàn gắn, mong muốn bà [T](#) cho ông thêm 1 cơ hội nên ông [T1](#) không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông [T1](#) khai vợ chồng có 02 con chung tên [Lê Mỹ Thành T2](#), sinh ngày 19/01/2015 và [Lê Mỹ Huy K](#), sinh ngày 11/8/2016. Nếu phải ly hôn, ông [T1](#) yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu bà [T](#) cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông [T1](#) khai hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông [T1](#) khai không có.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn - bà [T](#) vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông [T1](#), giữa vợ chồng đã không còn niềm tin với nhau, cuộc sống hôn nhân rất ngột ngạt, việc kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay chỉ làm bất hạnh cho bà và các con thêm. Con chung: bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung vì tôn trọng nguyện vọng của 02 con, không muốn chia rẽ 02 con, bà [T](#) không yêu cầu ông [T1](#) cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận. Nợ chung: Không có.

Bị đơn - ông [T1](#) trình bày: Ông giữ nguyên ý kiến đã trình bày, ông thừa nhận ông có sai nhưng mong muốn được sửa chữa, ông không đồng ý ly hôn. Con chung: ông [T1](#) yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, trường hợp Tòa án giao mỗi bên nuôi 01 con chung thì ông yêu cầu được nuôi dưỡng cháu [T2](#) và không yêu cầu bà [T](#) cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận. Nợ chung: quá trình kinh doanh ông có vay nợ để kinh doanh nhưng ông xác định đó là khoản vay của cá nhân ông, không liên quan gì đến bà [T](#) nên ông xác định vợ chồng không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng:

Bà [Trình Thi T](#) nộp đơn xin ly hôn ông [Lê Đăng Mỹ T1](#), đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Địa chỉ của bị đơn ông [Lê Đăng Mỹ T1](#) tại [quận T, Thành phố Hồ Chí Minh](#). Như vậy Tòa án nhân dân quận Tân Bình

thụ lý vụ án đúng thẩm quyền theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 69, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 07/6/2008 thì quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo bà T trình bày quá trình chung sống giữa bà T và ông T1 có nhiều mâu thuẫn xảy ra, mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, chi tiêu gia đình, nuôi dạy con cái, bà đã nói rất nhiều lần nhưng ông T1 không thay đổi, bà không còn tình cảm với ông T1, bà đã quá mệt mỏi với cuộc hôn nhân này nên bà kiên quyết yêu cầu ly hôn. Ông T1 thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, ông quá quan tâm đến gia đình bên nội mà quên mất đi gia đình nhỏ của bản thân, không cân bằng giữa công việc và gia đình, hời hợt không để ý đến cảm nhận của vợ nhưng ông T1 mong muốn gia đình đoàn tụ để con cái có đủ cha mẹ nên ông không đồng ý ly hôn. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng của bà T và ông T1 không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết, mục đích hôn nhân không đạt được; tình cảm vợ chồng phải đến từ hai phía, bà T kiên quyết ly hôn cho thấy khả năng hàn gắn giữa vợ chồng bà không còn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông T1 khai có 02 con chung tên Lê Mỹ Thành T2, sinh ngày 19/01/2015 và Lê Mỹ Huy K, sinh ngày 11/8/2016. Từ nhỏ 02 con do bà T trực tiếp chăm sóc và theo nguyện vọng của trẻ Trung, trẻ K muốn ở với bà T. Do đó, Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển ổn định cho 02 trẻ.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Do bà T xác định không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông T1.

[2.3] Về tài sản chung: Bà T và ông T1 xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu ông T1, bà T có yêu cầu giải quyết thì sẽ được xem xét ở một vụ án khác.

[2.4] Về nợ chung: Bà T và ông T1 xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng do bà T chịu toàn bộ và được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trinh Thi T:

- *Về hôn nhân*: Bà Trinh Thị T được ly hôn với ông Lê Đăng Mỹ T1.
- *Về con chung*: Giao 02 con chung tên Lê Mỹ Thành T2, sinh ngày 19/01/2015 và Lê Mỹ Huy K, sinh ngày 11/8/2016 cho bà Trinh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Lê Đăng Mỹ T1 do bà T không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Ông Lê Đăng Mỹ T1 được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Bà T và gia đình không được cản trở ông T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân tổ chức theo qui định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Hai bên khai không có.

2. *Về án phí*: Án phí ly hôn sơ thẩm bà Trinh Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án bà T đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0023694 ngày 28/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Bà T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
 - Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
 - Chi cục THADS Q.Tn Bình ;
- UBND P.8, tp.Vũng Tàu, t.Bà Rịa – Vũng Tàu;
 - Lưu hồ sơ vụ n.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LƯU QUANG VŨ